

Số: 16 /2024/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ và đóng góp trong công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ Quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 271 /TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; mức chi thù lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người

cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; mức trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động, nhân sự khác làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo giải trình số 391/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy; mức thù lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc (viết tắt là người cai nghiện ma túy bắt buộc), người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

4. Công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, điều động, biệt phái làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc từ 06 tháng trở lên.

5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Tiền ăn: Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng; các ngày lễ, tết dương lịch bằng 3,0 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày tết nguyên đán bằng 5,0 lần tiêu chuẩn ngày

lh

thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, mức ăn bằng 3,0 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện là nữ hàng năm của người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh bằng 0,9 mức lương cơ sở/người/năm.

3. Người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, mức hỗ trợ 70.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày; được cấp 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có), với mức tối đa là 300.000 đồng/bộ quần áo; tiền tàu xe: mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

4. Hỗ trợ chi phí mai táng đối với trường hợp người cai nghiện bắt buộc chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: Mức hỗ trợ chi phí mai táng bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Người nghiện ma túy quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian chờ làm thủ tục đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng các chế độ ăn, ở, sinh hoạt, hỗ trợ y tế bằng mức chi hỗ trợ như đối với người cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 4. Mức hỗ trợ, đóng góp cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Mức hỗ trợ, đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện từ đủ 06 tháng trở lên tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc:

a) Hỗ trợ 100% tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

b) Người nghiện ma túy thuộc đối tượng ưu tiên (thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng) thực hiện cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc thì được hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

Tiền ăn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này;

Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện ma túy là nữ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này; *uk*

Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện bị ốm được điều trị tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

c) Người nghiện ma túy không thuộc đối tượng ưu tiên: Hỗ trợ 70% kinh phí so với mức hỗ trợ của đối tượng ưu tiên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

d) Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện: Người cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm đóng góp theo mức bằng với chế độ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, bao gồm tiền điện nước sinh hoạt, mức đóng góp 100.000 đồng/người/tháng; tiền tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu, mức đóng góp 100.000 đồng/người/năm.

2. Chi hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định của pháp luật: Mức hỗ trợ bằng 1,0 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 5. Mức chi thù lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động, nhân sự khác làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

1. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; mức chi bằng 0,5 (không phải năm) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

2. Công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, điều động, biệt phái làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc từ 06 tháng trở lên được hưởng mức trợ cấp đặc thù 3.000.000 đồng/người/tháng. *uk*

Điều 6. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước đảm bảo cho các nội dung chi hỗ trợ quy định tại nghị quyết này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đóng góp, hỗ trợ, chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (01), T (100b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Quang Tiến

